

VỀ ĐỊNH HƯỚNG DÀI HẠN VÀ KẾ HOẠCH 5 NĂM 1996 - 2000 ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN THỦY LỢI, GIAO THÔNG VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NGUYỄN CÔNG TẠN

Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và PTNT

Thủ tướng chính phủ đã ra Quyết định 99-TTG ngày 9.2.1996 "Về định hướng dài hạn và kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 đối với việc phát triển thủy lợi, giao thông và xây dựng nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long" (ĐBSCL). Đó là một quyết định lớn, có ý nghĩa lịch sử đối với sự nghiệp phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn vùng ĐBSCL cũng như đối với cả nước.

Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn xin báo cáo về kế hoạch triển khai thực hiện quyết định đó.

I. ĐẨY NHANH TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN VÙNG ĐBSCL LÀ QUAN ĐIỂM NHẤT QUẢN CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA

1. Vùng ĐBSCL với gần 4 triệu ha đất tự nhiên trong đó có 2,7 triệu ha đất nông lâm nghiệp và mặt nước nuôi trồng thủy sản (gấp 3,5 lần đồng bằng sông Hồng), là vùng đồng bằng lớn nhất nước ta và cũng là một vùng đồng bằng lớn của Đông Nam Á và châu Á; đất đai phì nhiêu, nguồn nước phong phú, nhiệt độ ổn định, ánh sáng dồi dào, không có bão; quỹ đất nông nghiệp bình quân một hộ tới 0,7 ha, cao nhất cả nước (đồng bằng sông Hồng 0,2 ha). So với các vùng cả nước ta, vùng ĐBSCL có ưu thế hơn hẳn để phát triển một nền nông nghiệp có tỷ xuất hàng hóa cao theo hướng sinh thái, đa dạng, phong phú về lương thực, cây ăn trái, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cả nghề rừng.

Tiềm năng để phát triển nông nghiệp toàn diện, đặc biệt là sản xuất lương thực của ĐBSCL rất lớn, trước hết là do diện tích đất còn có thể mở thêm tới 400.000 ha để đưa vào sản xuất nông nghiệp, trong đó diện tích trồng lúa do tăng vụ và khai hoang có khả năng tăng thêm 600.000 tới 700.000 ha, bằng khoảng 2/3 diện tích gieo trồng lúa của vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay. Tiềm năng này không chỉ quan trọng đối với ĐBSCL mà còn là điều kiện quyết định góp phần thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp cả nước với mức tăng trưởng cao và ổn định trong thời gian tới, và là một vùng đóng góp trực tiếp vào khả năng giữ quỹ đất lúa của cả nước không giảm đi trong

quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.

2. Nhận rõ vị trí, vai trò của ĐBSCL trong quá trình phát triển nông nghiệp, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, trong những năm vừa qua dưới sự chỉ đạo tập trung và đầu tư cao của Đảng, nhà nước, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và với công sức đóng góp to lớn của nhân dân trong vùng cho việc xây dựng hệ thống thủy lợi, nên đã làm bật dậy tiềm năng to lớn trước hết là nông nghiệp của vùng này. Đến nay đã căn bản hình thành hệ thống kênh trục tạo nguồn, tiêu chua, xả phèn với tổng chiều dài 6.700 km kênh chính, 300 km kênh cấp 2, 15.530 km bờ bao ngăn lũ sớm, 200 cống ngăn mặn và hàng trăm ngàn máy bơm dầu, bơm điện của dân đảm bảo tưới cho diện tích lúa 2 vụ đạt 1 triệu ha, diện tích rau màu cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn trái trên 110 ngàn ha. Kết quả đó đã tạo cơ sở hạ tầng thúc đẩy khai thác tiềm năng đất đai, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, nhất là cơ cấu cây trồng, giống, thời vụ, phát huy sức sáng tạo của hàng triệu nông dân góp tiền và công sức đầu tư công trình nội đồng để phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh, đa canh.

Thành tựu nổi bật nhất trong những năm qua là sản lượng lương thực liên tục tăng qua các năm và vượt mục tiêu dự kiến đã đề ra, từ 4,85 triệu tấn năm 1976 lên 6,98 triệu tấn năm 1985, 9,5 triệu tấn năm 1990 và trên 13 triệu tấn năm 1995 và trong 7 năm qua hàng năm xuất khẩu từ 1,5 2 triệu tấn gạo. Thành tựu này có ý nghĩa quyết định cho mục tiêu an toàn lương thực, góp phần tạo nên những hiệu quả bền vững và ổn định về kinh tế xã hội của cả nước và là niềm tự hào của đất nước ta trong những năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và nhà nước.

Thực tiễn cũng đã minh chứng tập trung đầu tư, nhất là đầu tư cho thủy lợi ở ĐBSCL để phát triển sản xuất lương thực mang lại hiệu quả rất cao, vì suất đầu tư thấp, chỉ khoảng 10 triệu đồng/ha (trong khi ở các vùng khác phải gấp 3 - 4 lần) nhưng lợi ích mang lại rất lớn.

Cùng với sản xuất phát triển, đời sống nông dân, bộ mặt nông thôn

trong vùng đã có những thay đổi đáng kể trong mấy năm gần đây về ăn, ở, học hành, đi lại, chữa bệnh... và một số mặt khá lên như nhà kiên cố và bán kiên cố (tuy còn thua xa các vùng khác) được xây dựng mới trong thời kỳ 1991 - 1994 chiếm 31,83% trong tổng số nhà kiên cố và bán kiên cố hiện có của toàn vùng; đồ dùng của hộ nông thôn có phần khá hơn so với nhiều vùng khác.

3. Tuy đã đạt được bước phát triển nhanh, nhưng việc đầu tư cho ĐBSCL còn ở mức thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và trước đòi hỏi mới về phát triển của vùng và của cả nước. Bởi vậy, trong thời gian tới, nhà nước ta coi chương trình đầu tư khai thác vùng này vẫn tiếp tục là khâu đột phá để tạo ra thế tăng trưởng nhanh và ổn định về sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực để đảm bảo an toàn lương thực quốc gia trong bất kỳ tình huống nào, kể cả khi dân số nước ta tăng lên tới 80 triệu, rồi tới 100 triệu người, và có dư để xuất khẩu, để đảm bảo tăng tâm đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đồng thời đây cũng còn là yêu cầu nâng cao đời sống nông dân, phát triển nông thôn, đáp ứng nguyện vọng cấp bách của nhân dân, giảm sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị, đảm bảo công bằng xã hội trong quá trình phát triển của cả nước.

II. TẬP TRUNG ĐẦU TƯ THỦY LỢI KẾT HỢP VỚI GIAO THÔNG NHẪM KIỂM SOÁT LŨ, VÙNG NGẬP LŨ VÀ NGỌT HÓA VÙNG MẶN ĐỂ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ỔN ĐỊNH, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

A. THỦY LỢI VÀ DÂN CƯ

1. Mục tiêu

a. Mục tiêu 5 năm tới phải tăng thêm ít nhất 2 triệu tấn thóc, đạt sản lượng 15,5 - 16 triệu tấn/năm. Để đạt được mục tiêu đó, thủy lợi phải tạo điều kiện khai hoang, tăng vụ, tăng thêm 500.000 ha gieo trồng lúa, đưa diện tích gieo trồng lúa đạt 3,6 triệu ha, đồng thời nâng cấp đảm bảo điều kiện thâm canh tăng vụ trên diện tích đã gieo trồng 2 vụ, phát triển bền vững cây ăn trái và rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày.

b. Cải thiện và nâng cao một bước mức sống của nông dân (ăn, ở, học hành, chữa bệnh, nước sạch v.v...) thực hiện Chỉ thị 815 - TTg ngày 12.12.1995 của Thủ tướng chính phủ về việc qui hoạch và xây dựng các khu dân cư ở các tỉnh ĐBSCL. Qui hoạch đó dựa trên cơ sở các khung trục của hệ thống thủy lợi nhằm kiểm soát được lũ, cải thiện môi trường nước, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, xây dựng nông thôn mới.

Trong 5 năm tới, tập trung hướng giải quyết các yêu cầu cụ thể

sau đây:

- Ưu tiên ổn định đời sống cho khoảng 4 triệu nông dân vùng ngập lũ (gần 600.000 hộ), đảm bảo những sinh hoạt chủ yếu nhất của nhân dân không bị gián đoạn trong mùa lũ, trước hết là nền nhà, sàn nhà ở, trường học, bệnh xá không bị ngập, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người khi có lũ.

- Nâng cao mức sống của trên 2 triệu dân nghèo và cực nghèo vùng mặn nhờ hệ thống thủy lợi tạo nguồn nước ngọt để sản xuất, tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cung cấp nước sạch cho nông thôn.

- Hiện nay diện tích đất hoang hóa toàn vùng còn 410 ngàn ha (tập trung vào các tỉnh Long An 90 ngàn ha, Kiên Giang 170 ngàn, Minh Hải 50 ngàn ha) cần tập trung đầu tư để khai thác diện tích đất có thể đưa vào phát triển nông nghiệp 170 ngàn ha, trong đó có 130 ngàn ha có thể trồng lúa.

- Diện tích gieo trồng lúa 1 vụ còn 700 ngàn ha, cần đầu tư để tăng vụ được 270 - 300 ngàn ha.

Ở vùng ngập lũ, định hướng quy hoạch thủy lợi và kiểm soát lũ đã được Viện Quy hoạch thủy lợi, Viện nghiên cứu khoa học thủy lợi Nam bộ cùng các ngành và các lực lượng khoa học có liên quan nghiên cứu và được thực tiễn kiểm nghiệm, đi đến 2 hướng giải quyết cơ bản:

- Vùng ngập sâu (giới hạn Bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp, Cái Tàu Thượng, Cái Sắn bao gồm Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên) theo hướng chung sống với lũ thì tổ chức đời sống dân sinh và sản xuất chủ động thích nghi với lũ, tạo nên mọi hoạt động giữ được mức ổn định trong môi trường lũ.

- Vùng ngập nông (từ Nam kênh Cái Sắn - Nguyễn Văn Tiếp) tiến tới chủ động kiểm soát lũ theo các yêu cầu đảm bảo dân sinh và phát triển sản xuất.

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng

Kế hoạch phát triển thủy lợi 5 năm 1996 - 2000 đã được Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn trình Thủ tướng chính phủ, trong đó ở vùng ĐBSCL cần nguồn vốn ngân sách đầu tư 2.600 tỷ đồng bao gồm nguồn vốn Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn trực tiếp quản lý 1.400 tỷ đồng để thực hiện các công trình tạo nguồn và các tuyến bao ngăn lũ chính, các công trình ngăn mặn tiếp nguồn lớn, nguồn vốn ngân sách do địa phương thực hiện 1.200 tỷ đồng để làm kênh cấp 2, bờ bao theo quy hoạch và 1 số công trình vừa và nhỏ.

Ba chương trình lớn được đầu tư tập trung gần 2.000 tỷ đồng gồm:

- Dự án đầu tư chống lũ bảo vệ dân cư và phát triển sản xuất ở vùng

ngập lũ, ngân sách đầu tư 1.500 tỷ đồng.

- Dự án ngọt hóa Quản lộ Phụng Hiệp 260 tỷ đồng

- Dự án ngọt hóa Nam Măng Thít 224 tỷ đồng

- a. Dự án đầu tư chống lũ bảo vệ dân cư và phát triển sản xuất ở vùng ngập lũ.

Đây là vùng dự án với mục tiêu vừa mở đất khai hoang tăng vụ, vừa kết hợp hình thành các tuyến dân cư để tạo nên môi trường sống thích nghi bền vững với lũ, hình thành các khu dân cư an toàn lũ.

- + Ở vùng ngập sâu:

- Hình thành khu trung tâm xã vùng ngập sâu, có dân số khoảng từ 2000 - 3000 người, bố trí công sở, trường học, trạm xá, nghĩa địa, mỗi khu trung tâm có diện tích 15 - 20 ha. Toàn vùng có 215 điểm, diện tích khoảng 4000 ha, bố trí được trên 500 ngàn dân.

- Bố trí dọc theo bờ kênh cấp 1, cấp 2 và các trục giao thông chính được tôn cao nền thành các cụm dân cư, bố trí được trên 1,2 triệu dân.

- Hình thành 900 vùng có bờ bao chống lũ hoặc đào ao, hồ tôn nền cho qui mô 200 - 300 hộ/1 vùng để có thể bố trí được trên 1,4 triệu dân.

- + Ở vùng ngập nông:

Xây dựng bờ bao theo kênh cấp 1, cấp 2 và trục giao thông kết hợp với vượt thổ hình thành các vùng chủ động kiểm soát lũ ở những nơi có điều kiện thuận lợi và nâng cao mức đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho dân cư và phát triển sản xuất, mở rộng diện tích 3 vụ.

Vốn ngân sách nhà nước đầu tư để tạo các trục kênh cấp 1 và tuyến giao thông huyết mạch, các địa phương sử dụng nguồn vốn ngân sách hỗ trợ cộng với nguồn vốn huy động sự đóng góp tiền của, công sức của dân để xây dựng các điểm dân cư bền vững, xây dựng nhà ở vững chắc, làm thủy lợi nội đồng, bờ bao bảo vệ vườn cây ăn trái.

- + Xây dựng mới và nâng cấp các hệ thống thủy lợi:

Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình mới theo chương trình Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, Tây sông Hậu, Bắc Vàm Nao, dự án kênh cấp 2 trong quy hoạch tổng thể ĐBSCL, thực hiện sớm các công trình theo quy hoạch vùng bắc Đông, bắc Hồng Ngự, Ba Thê, Tri Tôn, Ô Môn, Thốt Nốt, Bình Minh, Vĩnh Long.

Thường xuyên duy tu, củng cố, nâng cấp để nâng mức đảm bảo của hệ thống công trình thủy lợi hiện có, từng bước thay thế các công trình tạm thời bằng các công trình kiên cố (thay đập thời vụ bằng cống). Mỗi công trình thủy lợi trong vùng được xây

dựng theo dự án đồng bộ khép kín phục vụ đồng thời cả nhiệm vụ chống lũ.

Với mức đầu tư trên, ở vùng ngập lũ sẽ tăng vụ khoảng 220 ngàn ha, sản lượng có thể tăng được 1 - 1,2 triệu tấn.

- b. Dự án ngọt hóa Quản lộ Phụng Hiệp

Dự án Quản lộ Phụng Hiệp với diện tích tự nhiên 276 ngàn ha. Hiện tại sản xuất 170 ngàn ha và có khả năng khai hoang 23 ngàn ha, diện tích tăng thêm 1 vụ được 140 ngàn ha và có thể mở thêm 30 ngàn ha vụ ba, với nguồn vốn đầu tư tập trung của nhà nước là 260 tỷ đồng. Khả năng năm 1996 sẽ hoàn thành được mục tiêu ngọt hóa của dự án thuộc phần tỉnh Sóc Trăng sau khi hoàn thành cống Mỹ Tú và kênh Nàng Rền, tăng vụ được 42 ngàn ha và hoàn thành cống Cầu Sập bước đầu sẽ chuyển ngọt đến huyện Hồng Dân và Vĩnh Lợi. Dự án còn lại 7 cống ngăn mặn lớn thuộc địa phận Minh Hải là Vĩnh Mỹ, Chủ Chí, Phó Sinh, Láng Trám, Cà Mau, Bạch Ngưu, Trắc Bàng và nạo vét mở rộng 7 kênh tiêu nước cho dự án. Cùng với hệ thống kênh Quản Lộ Phụng Hiệp và các kênh tạo nguồn tây sông Hậu sẽ có khả năng tạo tiền đề chuyển được nước ngọt xuống một phần vùng U Minh thượng, mở rộng hiệu quả dự án.

Dự án Quản Lộ Phụng Hiệp tăng sản lượng lương thực từ 800 ngàn đến 1 triệu tấn và mở rộng vùng ngô lớn để phát triển chăn nuôi. Vì vậy phải bằng mọi nỗ lực tập trung nguồn vốn của TW và huy động cao sức dân để hoàn thành mục tiêu ngọt hóa vào năm 1999, tạo ra bước ngoặt quyết định cho bước phát triển mới về kinh tế xã hội của 2 tỉnh Sóc Trăng - Minh Hải.

- c. Dự án Nam Măng Thít

Vùng dự án có diện tích đất nông nghiệp 193 ngàn ha. Nguồn vốn tập trung của nhà nước là 224 tỷ đồng để đầu tư 8 cống ngăn mặn lớn, nạo vét 3 trục kênh tạo nguồn thì có khả năng tăng vụ 70 ngàn ha. Dự án được chia 3 tiểu vùng:

- Vùng Trà Cú: đã hoàn thành cống ngăn mặn Trà Cú và đang xúc tiến cống Vàm Buôn, làm tiếp 2 cống Bắc Trang và cống Trẹm sẽ mở được địa bàn tăng vụ 12 ngàn ha.

- Vùng Tầm Phưng mở rộng kéo xuống toàn huyện Cầu Ngang là trọng điểm của dự án, phải đầu tư xây dựng hệ thống cống Nhà Thờ hoàn thành năm 1996 và chuẩn bị khởi công cống Chà Và, làm tiếp cống Thâu Râu, nạo vét kênh Mông 3 tháng Hai và kênh Thống Nhất để có thể tăng vụ được

39 - 40 ngàn ha. Đây là tiểu vùng sẽ được tập trung ưu tiên.

- Vùng Láng Thè với hệ thống cống ngăn mặn Láng Thè có thể mở địa bàn tăng vụ 20 ngàn ha, tuy nhiên do mức ảnh hưởng mặn nhẹ hơn thì có thể xúc tiến vào cuối kỳ kế hoạch.

- Sau cùng sẽ làm cống Cần Chông, cống Mỹ Văn và nạo vét toàn bộ trục kênh Trà Ngao từ nam Măng Thít thì việc dẫn ngọt và nguồn nước ngọt cho dự án sẽ được đảm bảo hơn về tiến độ.

Đầu tư vào dự án này có khả năng tăng sản lượng 350 - 400 ngàn tấn lúa, đồng thời với tăng vụ lúa, còn có khả năng mở ra vùng ngô khoảng 20 - 30 ngàn ha...

d. Các vùng khác được đầu tư theo dự án như hệ thống Tiếp Nhật, dự án Ba Rinh Tà Liêm Sóc Trăng, dự án vùng 3 Gò Công (Tiền Giang), dự án Hương Mỹ (Bến Tre), dự án U Minh Thượng (Kiên Giang), U Minh Hạ (Minh Hải) v.v... Các dự án này có thể tăng diện tích từ 80 - 100 ngàn ha với số vốn đầu tư khoảng 600 tỷ đồng.

Tóm lại mục tiêu kế hoạch 1996 - 2000 hệ thống thủy lợi ở ĐBSCL sẽ định hình được hệ thống kênh trục tạo nguồn tiêu thoát úng, lũ, chua phèn, kết hợp với việc hình thành các cụm, tuyến dân cư có điều kiện nâng cao mức an toàn, đảm bảo sinh hoạt chủ yếu của nhân dân ở vùng ngập lũ không bị gián đoạn trong mùa lũ; ở vùng mặn có nguồn nước ngọt, mở ra địa bàn khai hoang tăng vụ đưa diện tích gieo trồng lúa tăng thêm 500 ngàn ha, sản lượng lúa tăng thêm 2,2 triệu tấn/năm và có thể mở thêm diện tích vụ ba làm ngô khoảng 100 ngàn ha, cho sản lượng 500 nghìn tấn/năm, nâng mức sống của nhân dân tăng gấp hơn 2 lần so với hiện nay. Đó là những mục tiêu phấn đấu rất lớn, nhưng có khả năng hiện thực.

3. Biện pháp thực hiện

a. Công tác chuẩn bị kỹ thuật:

Các dự án thủy lợi lớn đã lập dự án khả thi và đang tích cực thực hiện giai đoạn TKKT. Với khả năng đầu tư của ngân sách và do đặc điểm của ĐBSCL có những ưu thế phát huy nhanh các công trình tạo nguồn, thì trong các dự án này đã tách phần đầu tư nội đồng không tính vào dự án đầu tư. Trước mắt nhà nước đầu tư phần tạo nguồn, hệ thống cống và đê bao ngăn mặn, tạo điều kiện để dân tiếp tục bỏ công sức đầu tư vào sản xuất có hiệu quả.

b. Vốn đầu tư cho thủy lợi

Tổng mức vốn đầu tư trong 5 năm 1996 - 2000 khoảng 5.000 tỷ đồng.

Nguồn vốn ngân sách đầu tư, 2.600 tỷ đồng, bình quân mỗi năm 520 tỷ đồng. Trong đó nguồn vốn Bộ

nông nghiệp và phát triển nông thôn trực tiếp quản lý các công trình lớn, các dự án trọng điểm 1.400 tỷ đồng. Để có thể phát huy vào cuối kỳ kế hoạch thì mức đầu tư trong 3 năm 1996 - 1998 bình quân 320 tỷ đồng/năm. Nguồn vốn ngân sách cần đối cho các địa phương là 1.200 tỷ đồng, bình quân 1 năm 240 - 250 tỷ đồng.

- Huy động sức dân 2.400 tỷ đồng
Trong đó: - Vùng ngập lũ 1.500 tỷ đồng

- Các vùng khác 900 tỷ đồng

Với mức đầu tư như trên, với hiệu quả kinh tế xã hội đạt được tối thiểu là ổn định và nâng cao nhanh đời sống của trên 6 triệu dân nghèo vùng lũ và vùng mặn, năm 2000 so với năm 1995 sản lượng lúa tăng thêm trên 2 triệu tấn/năm và trong 5 năm 1996 - 2000 tổng mức tăng thêm 6 triệu tấn. Vì vậy chương trình này được xác định là một chương trình trọng điểm của tổng thể chương trình Nông nghiệp - Phát triển nông thôn của cả nước, được ưu tiên đầu tư. Bộ Nông nghiệp - phát triển nông thôn và các địa phương phải chuẩn bị đủ lực lượng để thực hiện chương trình này.

Sự nghiệp phát triển thủy lợi ở ĐBSCL là một quá trình lâu dài, từng bước được bổ sung và nâng cao để đi đến mục tiêu thủy lợi hóa, phát huy tối ưu tiềm năng về tài nguyên, xây dựng ĐBSCL thành 1 vùng nông nghiệp sinh thái đa dạng phát triển cao, xây dựng nông thôn văn minh hiện đại, đồng thời đảm bảo các nhu cầu nước và điều kiện phát triển của đô thị và các khu công nghiệp trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do khả năng đầu tư, nên bước đi 5 năm tới phải tập trung cho 3 vùng trọng điểm.

- Vùng ngập lũ
- Vùng Quản Lộ Phụng Hiệp
- Vùng Nam Măng Thít
Còn các vùng khác thì đầu tư ở mức thích hợp

c. Vốn đầu tư cho dân cư

Tổng số: 4000 tỷ đồng, trong đó:
- Đầu tư phần nền nhà cho dân cư nông thôn hiện có là 2700 tỷ đồng
- Đầu tư phần nền cho các đô thị hiện có là 1300 tỷ đồng.

Bình quân mỗi năm đầu tư cho dân cư là 800 tỷ đồng.

B. GIAO THÔNG (THỦY VÀ BỘ)

1. Mục tiêu:

Trong kế hoạch 1996 - 2000 tập trung xây dựng để:

a. Hình thành 1 hệ thống giao thông thủy và bộ tương đối hoàn chỉnh trên cơ sở đảm bảo sự đồng bộ giữa hệ thống giao thông các cấp và hệ thống thủy lợi (cống, kênh, bờ kè các cấp và các bờ bao), đồng thời phù hợp với tập quán ở ĐBSCL.

Hệ thống giao thông đó không

được tạo thành vật cản dòng chảy làm tăng cao thêm mức nước lũ.

Do đó Bộ giao thông vận tải, Bộ nông nghiệp và PTNT phải bàn bạc để thống nhất về tuyến đường, cao trình, cấp đường, khẩu độ cầu, cống, kích thước kênh, bờ kè và bờ bao v.v...

b. Hình thành sớm hệ thống giao thông đường bộ huyết mạch nối liền biên giới, đảm bảo không bị ngập trong mùa lũ.

Hệ thống này được hình thành chủ yếu là ven theo bờ các kênh trục lớn.

c. Hình thành từng bước tiến tới hoàn chỉnh hệ thống giao thông thủy thuận lợi liên tỉnh và liên vùng.

d. Đồng thời với việc xây dựng các khu dân cư vùng ngập lũ cần tiến hành xây dựng hệ thống giao thông nông thôn.

2. Nội dung kế hoạch

Tổng nguồn vốn đầu tư toàn bộ hệ thống giao thông dự tính là 13.000 tỷ đồng. Trong đó:

- Phần ngân sách TW và ĐP là 9000 tỷ đồng, để xây dựng các đường huyết mạch và cứu hộ.

- Phần nhân dân đóng góp là 4000 tỷ đồng để xây dựng đường hương lộ, liên xã và góp 1 phần để xây dựng đường liên huyện.

Với dự kiến thực hiện trong 10 năm, thì mỗi năm yêu cầu đầu tư là 1300 tỷ đồng, trong đó phần ngân sách là 900 tỷ đồng và phần nhân dân đóng góp là 400 tỷ đồng.

Riêng kế hoạch năm 1996, cần phải tạo 1 phần nền của quốc lộ N1, kinh phí dự tính khoảng 25 tỷ đồng.

Bộ giao thông vận tải đang tính toán để tháng 9/1996 trình Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống giao thông (thủy bộ) ở ĐBSCL 1996 - 2000.

C. TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI, DÂN CƯ VÀ GIAO THÔNG NĂM 1996 - 2000

1. Tổng số: 15.500 tỉ đồng

Trong đó:

- Thủy lợi 5000 tỉ đồng
- Dân cư 4000 tỉ đồng
- Giao thông 6500 tỉ đồng

2. Phân ra:

- Ngân sách 7100 tỷ đồng
- Nhân dân 8400 tỷ đồng

3. Bình quân đầu tư xã hội mỗi

năm:

- Tổng số: 3100 tỉ đồng

Trong đó: - Ngân sách 1400 tỉ đồng

- Nhân dân 1700 tỉ đồng ■

(Còn tiếp 1 kỳ)

Báo cáo trong hội nghị triển khai quyết định 99TTG Thủ tướng chính phủ, tại Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 13 đến 15.3.1996.

4 PHÁT TRIỂN KINH TẾ